Phụ lục 55
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ VĨNH HÒA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Phụ lục 55 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL55 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Quốc lộ 63		
		- Kênh Lô 3 - Đường vào bãi rác (trừ đoạn KHU ĐÔ THỊ MỚI)	2.880	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Lô 3 - Đường vào bãi rác)
2	3	Chợ Thầy Quơn		
		- Từ Cầu Thầy Quơn - Họ Đạo Minh Châu	792	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ cầu Chợ Đình - Họ Đạo Minh Châu)
3	9	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL55 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	10	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	216	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	4	Đường Tỉnh 966 C (Thạnh Yên- Công Sự)		
		- Khu Dân cư Thạnh Yên (trừ các lô nằm trên đường Tỉnh 966c – đoạn từ UBND xã Vĩnh Hòa đến Trường THCS Thạnh Yên)	700	Bổ sung
2		Dự án khu đô thị mới		
		- Đường K (Quốc Lộ 63)	6.000	Bổ sung
		- Đường số 1	5.200	Bổ sung
		- Đường số 2	5.400	Bổ sung
		- Đường (Rộng 20m)	3.500	Bổ sung
		- Đường (Rộng 15m)	2.800	Bổ sung
		- Đường (Rộng 12m)	2.400	Bổ sung
		- Đường (Rộng 10m)	2.000	Bổ sung

TT	Số TT PL55 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
III	**HỦY BỎ**			
1	11	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL55 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**BỔ SUNG**			
1		Đất rừng sản xuất	42	Bổ sung